

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48/2017/TT-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2017

THÔNG TƯ**Quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản***Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;**Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;**Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;**Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản,**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và tài sản khác quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, doanh nghiệp đấu giá tài sản (sau đây gọi chung là tổ chức đấu giá tài sản) và Hội đồng đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản đấu giá hoặc được giao xử lý việc đấu giá tài sản.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thực hiện chế độ tài chính trong đấu giá tài sản.

Chương II**CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI****Điều 3. Nguồn kinh phí đảm bảo cho hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất**

1. Dự toán ngân sách nhà nước giao cho cơ quan được giao thực hiện xác định giá khởi điểm hoặc được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất:

a) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân:

STT	Giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm	Mức thu tối đa (đồng/hồ sơ)
1	Từ 200 triệu đồng trở xuống	100.000
2	Từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
3	Từ trên 500 triệu đồng	500.000

b) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất không thuộc phạm vi điểm a khoản 2 Điều này:

STT	Diện tích đất	Mức thu tối đa (đồng/hồ sơ)
1	Từ 0,5 ha trở xuống	1.000.000
2	Từ trên 0,5 ha đến 2 ha	3.000.000
3	Từ trên 2 ha đến 5 ha	4.000.000
4	Từ trên 5 ha	5.000.000

c) Mức thu quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này là mức tối đa. Mức thu cụ thể do cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất quyết định; do Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất quyết định trong trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thông qua hội đồng;

d) Trường hợp cuộc đấu giá không tổ chức được thì tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá được hoàn lại tiền hồ sơ đã nộp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến tổ chức cuộc bán đấu giá. Không hoàn lại tiền hồ sơ đối với tổ chức, các nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật đấu giá trong thời gian tổ chức đấu giá.

3. Tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản.

4. Các nguồn kinh phí hợp lệ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đảm bảo cho hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất

1. Trường hợp cuộc đấu giá do tổ chức đấu giá tài sản thực hiện:

a) Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm thu tiền mua hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này;

b) Số tiền thu được quy định tại điểm a khoản này được tính trừ vào số tiền thù lao dịch vụ đấu giá. Phần còn lại (nếu có) được chuyển về cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất để thanh toán cho các nội dung chi còn lại quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này; nếu còn thừa được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Trường hợp số tiền tại điểm a khoản này không đủ chi trả tiền thù lao dịch vụ đấu giá, phần còn thiếu được sử dụng từ tiền đặt trước quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này và dự toán của cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này để chi trả.

2. Trường hợp cuộc đấu giá do Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện:

a) Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm thu tiền mua hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này;

b) Số tiền thu được quy định tại điểm a khoản này được sử dụng để chi trả các khoản chi quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này. Phần còn lại (nếu có) chuyển về cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất để thanh toán cho các nội dung chi còn lại quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này; nếu còn thừa được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Trường hợp số tiền tại điểm a khoản này không đủ chi cho các khoản chi quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này, phần còn thiếu được sử dụng từ tiền đặt trước quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này và dự toán của cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này để chi trả.

Điều 5. Nội dung chi cho hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất

1. Nội dung chi của cơ quan được giao nhiệm vụ xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất:

a) Chi phí thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất để xác định giá khởi điểm;

b) Chi phí thẩm định giá đất để xác định giá khởi điểm;

c) Chi phí hợp lệ khác có liên quan.

2. Nội dung chi của cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất:

a) Chi phí cho việc đo vẽ, phân lô, xác định mốc giới;

b) Chi phí lập kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất;

c) Chi phí lập hồ sơ địa chính để đưa quyền sử dụng đất ra đấu giá;

d) Chi phí tổ chức lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

đ) Chi phí thực hiện các thủ tục bàn giao đất và các hồ sơ, giấy tờ có liên quan cho người trúng đấu giá để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

e) Chi trả thù lao dịch vụ đấu giá cho tổ chức đấu giá theo hợp đồng dịch vụ đấu giá và mức chi quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

g) Chi phí hợp lệ khác có liên quan.

3. Nội dung chi của Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất:

a) Chi phí lập hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất (bao gồm cả chi phí xây dựng Quy chế cuộc đấu giá);

b) Chi phí niêm yết, thông báo công khai việc đấu giá tài sản;

c) Chi phí bán và nhận hồ sơ cho người tham gia đấu giá;

d) Chi phí tổ chức cho người tham gia đấu giá xem tài sản;

đ) Chi phí tổ chức cuộc đấu giá (bao gồm cả chi phí thuê địa điểm tổ chức đấu giá tài sản trong trường hợp cơ quan được giao xử lý việc đấu giá không bố trí được địa điểm bán đấu giá; chi thuê trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến của tổ chức đấu giá tài sản để tổ chức cuộc đấu giá trong trường hợp cuộc đấu giá thực hiện theo hình thức đấu giá trực tuyến; chi phí trả cho tổ chức đấu giá để tổ chức này cử đấu giá viên điều hành cuộc bán đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật Đấu giá tài sản);

e) Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện đấu giá tài sản.

Điều 6. Mức chi cho hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất

1. Đối với các khoản chi đã có tiêu chuẩn, định mức, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì mức chi thực hiện theo quy định. Trong đó, mức thù lao dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất trả cho tổ chức đấu giá tài sản thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản.

Trường hợp cuộc đấu giá quyền sử dụng đất không thành, tổ chức đấu giá không được thanh toán thù lao dịch vụ đấu giá, chỉ được thanh toán các khoản chi phí thực tế hợp lý đã chi cho cuộc đấu giá quyền sử dụng đất; mức thanh toán tối đa không được vượt quá mức thù lao dịch vụ đấu giá thành theo quy định của Bộ Tài chính về khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản.

Trường hợp một Hợp đồng dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất gồm nhiều lô đất mà có một phần đấu giá không thành thì phải xác định tỷ lệ (%) đấu giá thành và tỷ lệ (%) đấu giá không thành theo giá khởi điểm để xác định mức thù lao dịch vụ đấu giá thanh toán cho tổ chức đấu giá.

Số tiền thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản thanh toán cho tổ chức đấu giá phải ghi rõ vào Biên bản thanh lý Hợp đồng dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Đối với các khoản chi chưa có quy định về tiêu chuẩn, định mức, đơn giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thực hiện như sau:

a) Mức chi thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất để xác định giá khởi điểm thực hiện theo hợp đồng giữa cơ quan được giao nhiệm vụ xác định giá khởi điểm và tổ chức tư vấn xác định giá đất được lựa chọn theo quy định của pháp luật;

b) Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất, thủ trưởng cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất quyết định cụ thể mức chi đối với các khoản chi khác chưa có quy định về tiêu chuẩn định mức, đơn giá đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 7. Lập dự toán, sử dụng và quyết toán chi phí đấu giá quyền sử dụng đất

1. Căn cứ vào nguồn kinh phí, mức thu, nội dung chi, mức chi quy định tại các Điều 3, 4, 5 và 6 Thông tư này và khối lượng công việc dự kiến phát sinh, cơ quan được giao nhiệm vụ xác định giá khởi điểm, cơ quan được giao xử lý việc đấu giá

quyền sử dụng đất lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện.

Trường hợp dự toán đã được phê duyệt nhưng không đủ để chi theo thực tế thì cơ quan được giao nhiệm vụ xác định giá khởi điểm, cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất lập dự toán kinh phí bổ sung, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán. Việc sử dụng, hạch toán khoản kinh phí này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan được giao nhiệm vụ xác định giá khởi điểm, cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm quản lý, sử dụng dự toán và báo cáo quyết toán kinh phí đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 8. Quản lý, sử dụng khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất

1. Tổ chức đấu giá tài sản, Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất chịu trách nhiệm quản lý an toàn khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá. Việc thu tiền đặt trước của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất chỉ được thực hiện trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc, trước ngày mở cuộc đấu giá; trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản trước ngày mở cuộc đấu giá giữa người tham gia đấu giá với Tổ chức đấu giá tài sản hoặc Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất.

Trường hợp trước ngày mở cuộc đấu giá, có sự thay đổi (về giá khởi điểm hoặc các thông tin khác so với thông tin đã niêm yết, thông báo công khai) mà người tham gia đấu giá từ chối không tham gia đấu giá tiếp thì Tổ chức đấu giá tài sản, Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất phải hoàn trả tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản từ chối của người tham gia đấu giá.

2. Tổ chức đấu giá tài sản, Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất phải hoàn trả tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) cho những người không trúng đấu giá; trừ trường hợp người tham gia đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản. Việc hoàn trả tiền đặt trước thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trong thời hạn khác do các bên thỏa thuận.

3. Chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền sử dụng đất, Tổ chức đấu giá tài sản, Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất phải nộp

vào ngân sách nhà nước đối với khoản tiền đặt trước và tiền lãi tính đến ngày nộp (nếu có) của người trúng đấu giá quyền sử dụng đất. Số tiền này được trừ vào nghĩa vụ phải thanh toán của người trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

4. Tổ chức đấu giá tài sản, Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất không được sử dụng khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá vào mục đích nào khác ngoài mục đích theo quy định của pháp luật về đấu giá; trường hợp tiền đặt trước mà người tham gia đấu giá không được nhận lại quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản được quản lý, sử dụng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

Điều 9. Nộp tiền thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất

Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền hoặc thuê đất có trách nhiệm nộp tiền trúng đấu giá vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất.

Chương III

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẤU GIÁ TÀI SẢN KHÁC

Điều 10. Nguồn kinh phí đảm bảo cho hoạt động đấu giá tài sản

1. Tiền thu được từ việc đấu giá tài sản.
2. Tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá tài sản:
 - a) Tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá tài sản được quy định tương ứng với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá theo quy định như sau:

TT	Giá khởi điểm của tài sản	Mức thu tối đa (đồng/hồ sơ)
1	Từ 20 triệu đồng trở xuống	50.000
2	Từ trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	150.000
4	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
5	Trên 500 triệu đồng	500.000

- b) Mức thu quy định tại điểm a khoản 2 Điều này là mức tối đa. Mức thu cụ thể do cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản đấu giá hoặc cơ quan được giao xử lý việc đấu giá tài sản quyết định; do Hội đồng đấu giá tài sản quyết định trong trường hợp đấu giá tài sản thông qua hội đồng;

c) Trường hợp cuộc đấu giá không tổ chức được thì tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá tài sản được hoàn lại tiền hồ sơ đã nộp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến tổ chức cuộc bán đấu giá. Không hoàn trả tiền hồ sơ đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật đấu giá trong thời gian tổ chức đấu giá.

3. Tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản.

4. Các nguồn kinh phí hợp lệ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đảm bảo cho hoạt động đấu giá tài sản

1. Trường hợp cuộc đấu giá do tổ chức đấu giá tài sản thực hiện:

a) Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm thu tiền mua hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này;

b) Số tiền thu được quy định tại điểm a khoản này được tính trừ vào số tiền thù lao dịch vụ đấu giá. Phần còn lại (nếu có) được chuyển về cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản đấu giá hoặc cơ quan được giao xử lý việc đấu giá tài sản để thanh toán cho các nội dung chi còn lại quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này; nếu còn thừa được quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp số tiền tại điểm a khoản này không đủ chi trả tiền thù lao dịch vụ đấu giá, phần còn thiếu được sử dụng từ tiền đặt trước quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này và số tiền thu được từ việc bán đấu giá quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này để chi trả.

2. Trường hợp cuộc đấu giá do Hội đồng đấu giá tài sản thực hiện:

a) Hội đồng đấu giá tài sản có trách nhiệm thu tiền mua hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này;

b) Số tiền thu được quy định tại điểm a khoản này được sử dụng để chi trả các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này. Phần còn lại (nếu có) được chuyển về cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản đấu giá hoặc cơ quan được giao xử lý việc đấu giá tài sản để thanh toán cho các nội dung chi còn lại quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này; nếu còn thừa được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp số tiền tại điểm a khoản này không đủ chi trả các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này, phần còn thiếu được sử dụng từ tiền đặt trước quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này và số tiền thu được từ việc bán đấu giá quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này để chi trả.

Điều 12. Nội dung chi và mức chi cho hoạt động đấu giá tài sản

1. Nội dung chi của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản đấu giá hoặc cơ quan được giao xử lý việc đấu giá tài sản:

- a) Chi phí kiểm kê tài sản;
- b) Chi phí đo vẽ nhà, đất đối với trường hợp đấu giá tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất;
- c) Chi phí di dời theo quy định của pháp luật đối với trường hợp đấu giá tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất;
- d) Chi phí định giá và thẩm định giá tài sản;
- đ) Chi phí tổ chức lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;
- e) Chi trả thù lao dịch vụ đấu giá cho tổ chức đấu giá theo hợp đồng dịch vụ đấu giá;
- g) Các chi phí hợp lệ khác có liên quan.

2. Nội dung chi của Hội đồng đấu giá tài sản:

- a) Chi phí vận chuyển, giao nhận, bảo quản tài sản từ khi có quyết định xử lý tài sản của cấp có thẩm quyền cho đến khi hoàn thành việc bán đấu giá, bàn giao tài sản cho người mua tài sản;
- b) Chi phí thuê sửa chữa tài sản để bán nếu tài sản phải sửa chữa mới bán được (nếu có); chi khắc phục tổn thất về tài sản do nguyên nhân khách quan trong quá trình bán đấu giá (nếu có);
- c) Các khoản chi quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

3. Mức chi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 13. Lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản đấu giá hoặc cơ quan được giao xử lý việc đấu giá tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng đấu giá tài sản căn cứ vào nguồn kinh phí, mức thu, nội dung chi và mức chi quy định tại Điều 10, 11 và 12 Thông tư này và khối lượng công việc dự kiến phát sinh để lập dự toán kinh phí tổ chức thực hiện đấu giá tài sản cho từng cuộc đấu giá, trình cơ quan ra quyết định thành lập Hội đồng đấu giá tài sản phê duyệt.

Trường hợp phải triển khai ngay công việc để đấu giá tài sản trước khi dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Hội đồng đấu giá tài sản được phép tạm ứng trước kinh phí từ cơ quan, đơn vị, tổ chức có tài sản đấu giá hoặc cơ quan được giao xử lý việc đấu giá tài sản để chi cho các công việc phải thực hiện. Mức ứng tối đa không quá 5% giá trị tài sản đấu giá (tính theo giá khởi điểm). Hội đồng đấu giá tài sản có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã ứng cho đơn vị có tài sản đấu giá hoặc cơ quan được giao xử lý việc đấu giá tài sản trước khi báo cáo quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện đấu giá tài sản.

a) Sau khi dự toán kinh phí tổ chức thực hiện đấu giá tài sản được duyệt, Hội đồng đấu giá tài sản chuyển một (01) bản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản đấu giá hoặc cơ quan được giao xử lý việc đấu giá tài sản để phối hợp thực hiện;

b) Hội đồng đấu giá tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức thực hiện đấu giá tài sản theo đúng nội dung và mức chi trong dự toán được phê duyệt.

Trường hợp dự toán đã được phê duyệt nhưng không đủ để chi theo thực tế thì Hội đồng đấu giá tài sản lập dự toán kinh phí bổ sung, gửi cơ quan ra quyết định thành lập Hội đồng đấu giá tài sản phê duyệt bổ sung dự toán; đồng thời, thông báo cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản đấu giá hoặc cơ quan được giao xử lý việc đấu giá tài sản để phối hợp thực hiện. Việc sử dụng, hạch toán khoản kinh phí này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

c) Chậm nhất là 30 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, Hội đồng đấu giá tài sản có trách nhiệm báo cáo quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện đấu giá tài sản với cơ quan ra quyết định thành lập Hội đồng phê duyệt theo quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản đấu giá hoặc cơ quan được giao xử lý việc đấu giá tài sản có trách nhiệm quản lý hồ sơ quyết toán gồm: Bản quyết toán đã được phê duyệt và chứng từ liên quan đến báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện đấu giá tài sản.

Điều 14. Quản lý khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá tài sản

Việc quản lý tiền đặt trước của người tham gia đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.
2. Thông tư này bãi bỏ các văn bản sau đây:
 - a) Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;
 - b) Thông tư số 02/2015/TT-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;
 - c) Chương III Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng đấu giá tài sản;
 - d) Thông tư số 335/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản.
3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, phối hợp giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải